

d) Tổ chức việc thu tiền phạt, tiền bồi thường; tổ chức việc tạm giữ và trao trả người, phương tiện nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Lực lượng kiểm soát trên biển:

a) Bắt giữ, lập biên bản và áp giải phương tiện nước ngoài và người trên phương tiện vi phạm các quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật khác của Việt Nam để giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý;

b) Xử lý các vụ vi phạm theo thẩm quyền đã được quy định.

Điều 20. Trong trường hợp phương tiện và người nước ngoài bị tạm giữ:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải thông báo ngay sau khi bắt giữ cho Bộ Ngoại giao và Bộ Thủy sản để phối hợp xử lý;

2. Chủ phương tiện phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc bảo quản phương tiện, chi phí ăn, ở và hồi hương cho những người vi phạm trong thời gian bị tạm giữ ở Việt Nam;

3. Phương tiện và các trang thiết bị bị tạm giữ được giữ nguyên trạng như đã ghi trong hồ sơ, biên bản bắt giữ và bàn giao. Trường hợp để mất hoặc gây hư hỏng thì người có trách nhiệm tạm giữ phải bồi thường.

Điều 21. Tổ chức, cá nhân cố ý làm sai hoặc vượt quá thẩm quyền trong việc cấp Giấy đăng ký, xử lý vi phạm, làm trái các quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan thì tùy theo mức độ vi phạm mà phải bồi thường thiệt hại, bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Nghị định này có hiệu lực thi hành

sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Nghị định số 437-HĐBT ngày 22 tháng 12 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Điều 23. Trong trường hợp Điều ước quốc tế về nghề cá mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác quy định của Nghị định này thì áp dụng các quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 24. Bộ trưởng Bộ Thủy sản phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 25. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

NGHỊ QUYẾT của Chính phủ số 08/1998/NQ-CP ngày 16/07/1998 về các giải pháp điều hành kế hoạch trong 6 tháng cuối năm 1998.

Trong 2 ngày 29 và 30 tháng 6 năm 1998, Chính phủ họp phiên thường kỳ tháng 6 năm 1998 đã quyết định một số chủ trương, biện pháp cần tập trung chỉ đạo, điều hành kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và ngân sách nhà nước trong 6 tháng cuối năm 1998 như sau:

A - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU

Do dự báo được tình hình khó khăn trong năm

1998, nên trong 6 tháng đầu năm, cùng với việc tiếp tục các biện pháp khắc phục hậu quả thiên tai, Chính phủ đã tập trung sự chỉ đạo điều hành vào việc tháo gỡ những khó khăn, ách tắc trong đầu tư phát triển và trong sản xuất, kinh doanh; tăng cường các giải pháp hỗ trợ nông dân và các doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi hơn để phát huy nội lực theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ Tư (Khóa VIII). Đồng thời xử lý một cách linh hoạt, thận trọng một số vấn đề về tài chính - tiền tệ nhằm hạn chế thấp nhất sự tác động bất lợi của cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực, bảo đảm sự ổn định kinh tế vĩ mô. Công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, của các Bộ, ngành và địa phương được cải tiến một bước.

Những cố gắng nêu trên đã góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân khắc phục khó khăn; hạn chế sự giảm sút của sản xuất, kinh doanh; duy trì được nhịp độ tăng trưởng khá (GDP tăng 6,64%); ổn định kinh tế vĩ mô; giữ vững an ninh quốc phòng; các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hóa, xã hội, y tế... đều có bước tiến bộ.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của nước ta đang đứng trước những khó khăn, thử thách lớn:

Nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế chậm lại; sức mua xã hội và thị trường xuất khẩu bị co hẹp, hàng hóa nước ta bị cạnh tranh gay gắt hơn; hậu quả nặng nề của thiên tai còn tiếp tục ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp; việc huy động vốn trong nước và nước ngoài cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn, vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, vốn đầu tư của các doanh nghiệp và của dân cư đều đạt thấp so với dự kiến, vốn đầu tư nước ngoài giảm mạnh; một số công trình, dự án cấp bách do không đủ vốn để thực hiện đúng tiến độ, do đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế của năm nay và các năm sau. Mức thu

ngân sách đạt thấp, trong khi các yêu cầu chi tăng lên làm cho ngân sách thêm căng thẳng; các tệ nạn xã hội chưa được khắc phục rõ nét; việc làm cho người lao động đang là một trong những vấn đề bức xúc đòi hỏi phải tập trung giải quyết.

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân. Ngoài ảnh hưởng nặng nề của thiên tai và sự tác động bất lợi của cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực thì những yếu kém chủ quan đóng vai trò rất quan trọng. Hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp và chưa có chuyển biến rõ nét; việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy mạnh mẽ nguồn lực trong nước, nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế quốc tế để phát triển sản xuất, kinh doanh... còn chậm, chưa tạo được bước chuyển biến căn bản. Các ách tắc trong hệ thống thể chế, thủ tục hành chính vẫn còn lớn. Một bộ phận cán bộ, nhất là cán bộ ở cấp thừa hành còn gây phiền hà, nhũng nhiễu; làm cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của dân và doanh nghiệp. Việc thực hiện các chính sách, quy định của Nhà nước, ngay cả các quy định đúng đắn, ban hành kịp thời, có lúc, có nơi vẫn không tổ chức triển khai một cách nghiêm túc.

Những yếu kém chủ quan trên đây cần phải được tập trung khắc phục trong thời gian tới.

B. CÁC GIẢI PHÁP LỚN ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 1998

Mục tiêu quan trọng nhất của công tác chỉ đạo, điều hành trong những tháng tới là tạo cho được động lực phát triển mạnh mẽ trong các tầng lớp nhân dân; phát huy cao độ các nguồn lực trong nước; thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài; khắc phục các yếu kém trong tổ chức thực hiện để vượt qua khó khăn, thách thức, ổn

định và phát triển kinh tế - xã hội. Theo tinh thần đó, Chính phủ quyết định một số chủ trương, biện pháp lớn sau đây:

I- VỀ NÔNG NGHIỆP

1- Tập trung chỉ đạo sát sao khâu chăm sóc, thu hoạch lúa hè thu và triển khai sản xuất vụ mùa, phấn đấu đạt chỉ tiêu sản lượng lương thực đã đề ra.

2- Chỉ đạo chặt chẽ công tác xuất khẩu gạo, bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trong mọi tình huống; đồng thời, điều hòa tốt việc lưu thông lương thực đến vùng cao, vùng sâu, vùng thiếu lương thực.

3- Đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình thủy lợi cấp bách vùng ngập lũ ở đồng bằng sông Cửu Long trước mùa mưa lũ năm 1998. Chỉ đạo chặt chẽ các biện pháp bảo vệ đê điều và phòng chống lụt bão; có các phương án cụ thể để đối phó với những tình huống xấu nhất có thể xảy ra.

4- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần nhanh chóng kiểm tra lại số diện tích các cây công nghiệp, nhất là diện tích cây cà phê, cây điều, hồ tiêu... thiệt hại do bị hạn nặng vừa qua. Nhà nước bảo đảm đủ vốn tín dụng ưu đãi cho nông dân vay để chăm sóc và khôi phục diện tích các cây công nghiệp bị thiệt hại và cho vay trồng mía ở những vùng đã có nhà máy đường.

5- Tiêu thụ nông sản gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản hướng vào đẩy mạnh xuất khẩu, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp là nhân tố có ý nghĩa then chốt, cần được quan tâm đúng mức. Khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến nông sản và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Các tổng công ty kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm của Trung ương và

các địa phương cần tập trung xây dựng kế hoạch cụ thể về việc mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước. Ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản phù hợp với từng vùng, địa phương. Chính phủ hỗ trợ vốn đầu tư chế biến, nhất là chế biến sâu nhằm nâng cao chất lượng một số mặt hàng xuất khẩu như gạo, hải sản, chè, cà phê và các loại rau quả, thực phẩm khác...

6- Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư mua sắm tàu thuyền và ngư, lưới cụ đánh bắt cá xa bờ. Các quốc doanh đánh bắt cá cần khẩn trương đổi mới tổ chức, quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động, làm tốt hơn vai trò nòng cốt cho lực lượng ngư dân hoạt động trên vùng biển khơi, kể cả trong khâu đánh bắt, mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và các dịch vụ liên quan. Tiếp tục cải tiến các thủ tục cho vay, đẩy nhanh việc giải ngân các dự án đóng tàu đánh bắt cá. Chú trọng đúng mức công tác đào tạo lao động kỹ thuật và quản lý cho nghề đánh bắt hải sản xa bờ. Tăng cường công tác cảnh báo bão và cứu hộ trên biển.

7- Tổng kết việc tổ chức thực hiện chương trình 327 và các mô hình kinh tế đồi rừng trong những năm qua để rút ra những kinh nghiệm cần thiết cho việc xây dựng cơ chế, chính sách, cách thức tổ chức, chỉ đạo phù hợp, bảo đảm hiệu quả cao trong việc khai thác 10 triệu ha đất trống, đồi núi trọc. Trước mắt cần rút ra kinh nghiệm để chỉ đạo chương trình trồng 5 triệu ha rừng. Triển khai kế hoạch khai hoang một số diện tích tập trung ở Tứ giác Long Xuyên, Tây Nguyên và tỉnh Bình Phước để điều chuyển số hộ nông dân không có ruộng ở đồng bằng sông Cửu Long đến lập nghiệp tại các vùng này. Đồng thời, khuyến khích mạnh mẽ nhân dân đầu tư khai thác đất trống, đồi núi trọc để trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi theo hình thức trang trại.

8- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh có biện pháp thiết thực để ngăn chặn tình trạng cháy

rừng; xử lý nghiêm các vụ vi phạm gây cháy rừng và chỉ đạo chặt chẽ việc trồng lại rừng bù vào diện tích bị mất.

9- Ủy ban nhân dân các tỉnh nắm chắc tình hình thiếu đói trên địa bàn tỉnh và nhanh chóng có biện pháp cứu trợ kịp thời, chỉ đạo việc trồng rau màu ngăn ngừa để phòng chống đói giáp hạt.

10- Nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc giải quyết khiếu kiện của dân; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; bảo đảm an ninh, ổn định và đoàn kết nông thôn.

II- VỀ CÔNG NGHIỆP VÀ SẮP XẾP DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1- Đối với những sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài, nhất là những sản phẩm xuất khẩu thuộc các thành phần kinh tế, được vay vốn tín dụng ưu đãi để đổi mới thiết bị và công nghệ, mở rộng sản xuất, kinh doanh; có chính sách thưởng cho các doanh nghiệp có nhiều hàng xuất khẩu hoặc xuất khẩu sản phẩm mới, công nghệ cao và thưởng cho các tổ chức và cá nhân mở được thị trường xuất khẩu mới.

2- Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước là yêu cầu vừa cấp bách, vừa cơ bản của nền kinh tế. Trong 6 tháng cuối năm 1998, cùng với việc thực hiện các giải pháp chấn chỉnh và đổi mới hoạt động các doanh nghiệp nhà nước, cần đẩy nhanh việc thực hiện chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời chỉ đạo thực hiện thí điểm các hình thức cho thuê, chuyển sang hình thức sở hữu tập thể hoặc bán một số doanh nghiệp không cần thiết phải giữ sở hữu của Nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ Tư (Khóa VIII).

3- Trong quý III năm 1998, Bộ Công nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ

Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh công bố danh sách các doanh nghiệp nhà nước dự kiến thực hiện cổ phần hóa và kế hoạch triển khai trong năm. Các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố khác tiếp tục công bố danh sách các doanh nghiệp nhà nước sẽ thực hiện cổ phần hóa trong năm 1998 và chuẩn bị kế hoạch sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp năm 1999. Đồng thời khẩn trương triển khai thực hiện Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Chấn chỉnh và tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp có phẩm chất tốt và năng lực cho các doanh nghiệp nhà nước; kiên quyết thay thế số cán bộ quản lý doanh nghiệp có sai phạm, năng lực kém, không đảm đương được trách nhiệm.

4- Trong quý III năm 1998, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải xây dựng xong phương án tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp địa phương, bao gồm các giải pháp kinh tế và các giải pháp về tổ chức, cán bộ trình Thủ tướng Chính phủ.

5- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần tổ chức bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm làm đầu mối giải quyết hoặc báo cáo lên cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời những ách tắc, khó khăn trong sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó đặc biệt quan tâm việc duy trì sử dụng lao động và đẩy mạnh xuất khẩu. Các Bộ quản lý ngành chịu trách nhiệm giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước thuộc ngành và thẩm quyền của Bộ. Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Trung ương chịu trách nhiệm tổng hợp và kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ các giải pháp xử lý những vấn đề tồn tại và phát sinh tại các Tổng công ty 91 về cơ chế, chính sách, mô hình tổ chức quản lý doanh nghiệp.

6- Đối với những doanh nghiệp thuộc diện phải

di chuyển ra khỏi thành phố, thị xã theo quy hoạch, được chuyển nhượng quyền sử dụng mặt bằng sản xuất cũ để lấy vốn đầu tư xây dựng mặt bằng nơi nhà máy chuyển đến.

7- Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thí điểm việc cấp quyền sử dụng đất cho nhà đầu tư mua quyền sử dụng đất của dân làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đất ở sang làm mặt bằng sản xuất, phù hợp với quy hoạch của thành phố, không phải nộp thêm tiền thuê cho Nhà nước và được quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, thế chấp, thừa kế diện tích đó trong thời hạn sử dụng.

8- Hoàn thiện để sớm ban hành Nghị định của Chính phủ về "chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp". Các Bộ, ngành liên quan: Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Thanh tra Nhà nước, Bộ Tài chính khẩn trương xây dựng quy chế về kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp để thực hiện Nghị định nói trên và công bố công khai để nhân dân và doanh nghiệp tham gia giám sát công tác này.

III- VỀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

1- Đối với nguồn vốn ngân sách, Bộ Tài chính huy động tối đa các nguồn thu theo quy định của pháp luật, bảo đảm đủ mức chi cho đầu tư phát triển như dự toán đã được phê duyệt. Không cắt giảm vốn đầu tư theo kế hoạch đã phân bổ đầu năm cho các Bộ, ngành và địa phương. Bổ sung thêm 1.450 tỷ đồng để bảo đảm vốn đối ứng đối với công trình, dự án có vốn ODA, một số dự án thủy lợi và dự án đặc biệt cấp bách.

2- Giảm tiến độ và hoãn xây dựng một số công trình nhóm A, B (như phụ lục kèm theo) thuộc nguồn vốn ngân sách tập trung. Riêng đối với các dự án nhóm C, từ nay đến cuối năm dừng việc khởi công mới các dự án đã ghi kế hoạch

năm 1998. Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 1179/1997/QĐ-TTg và Chỉ thị số 05/1998/CT-TTg; bảo đảm bố trí đủ 70% vốn cho các dự án nhóm C có khả năng hoàn thành trong năm để sớm đưa các công trình này vào sử dụng.

3- Không tiếp tục đầu tư mới các dự án về kinh doanh khách sạn, bia, xi măng lò đứng, nhà máy đường nếu xét thấy không trả được nợ, hoặc trả nợ trong thời hạn quá dài và đòi hỏi những điều kiện đặc cách; xem xét hoãn khởi công và hoãn việc chuẩn bị khởi công các nhà máy xi măng lớn do trong nước tự đầu tư, ít nhất cho đến năm 2000.

4- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm rà soát và báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo tinh thần nêu trên chậm nhất vào ngày 15 tháng 8 năm 1998. Những Bộ, địa phương không thực hiện đúng quy định của Chính phủ thì các cơ quan quản lý vốn sẽ không cấp phát vốn và thanh toán.

5- Các dự án, công trình có khối lượng thực hiện vượt mức khối lượng được giao trong kế hoạch năm trước, không được bố trí thêm vốn kế hoạch năm 1998 để thanh toán.

6- Thực hiện đầy đủ các cam kết của phía Việt Nam trong từng dự án ODA, bảo đảm đủ vốn đối ứng cho các chương trình, dự án đã được ghi kế hoạch. Đẩy nhanh công tác xây dựng dự án, giải phóng mặt bằng, chấn chỉnh công tác xét thầu, chọn thầu; Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi những quy định về thuế tại Nghị định số 87/CP ngày 05/08/1997 nhằm giải quyết dứt điểm các vướng mắc về thuế liên quan đến nguồn vốn ODA để tăng tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn đã cam kết.

7- Cho phép xử lý linh hoạt tỷ lệ góp vốn của bên Việt Nam trong các liên doanh ở giai đoạn

đầu, khi các doanh nghiệp Việt Nam ít vốn và nâng dần tỷ lệ góp vốn của phía Việt Nam lên khi có điều kiện. Chấm dứt tình trạng bất kỳ doanh nghiệp, tổ chức nào có quyền sử dụng đất đều trở thành đối tác trong liên doanh khi không có điều kiện quản lý kinh doanh; Nhà nước giao quyền sử dụng đất cho các doanh nghiệp có đủ điều kiện về chuyên môn, kỹ thuật, cán bộ để tiến hành việc liên doanh với bên nước ngoài. Trong quý III năm 1998, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ cơ chế khuyến khích các nhà đầu tư trong nước, kể cả quốc doanh và các thành phần kinh tế khác, liên kết, hợp vốn để liên doanh với nước ngoài, bảo đảm ưu thế cũng như quyền bình đẳng thực sự của bên Việt Nam trong các liên doanh. Các doanh nghiệp Việt Nam không được vay vốn nước ngoài với lãi suất cao để góp vốn vào liên doanh.

8- Ngoài doanh nghiệp nhà nước, cho phép các thành phần kinh tế khác được hợp tác đầu tư với nước ngoài đối với các ngành, lĩnh vực không cấm hoặc không hạn chế. Cho phép thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh thí điểm dự án cho các nhà đầu tư nước ngoài thuê đất xây dựng nhà ở để bán và cho thuê.

9- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban quản lý Khu công nghiệp Trung ương và địa phương, các Công ty kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp khác phục khó khăn, duy trì việc sử dụng lao động Việt Nam, đẩy mạnh xuất khẩu. Đồng thời, cần chuyển trọng tâm vào hoạt động vận động đầu tư để lấp đầy diện tích cho thuê; đối với các khu công nghiệp đang xây dựng cơ sở hạ tầng phải tùy thuộc vào nguồn vốn đầu tư của từng khu (100% vốn nước ngoài, liên doanh với nước ngoài, hoặc ta vay vốn tín dụng để đầu tư...), chỉ đạo, hướng dẫn các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng đến đâu,

khai thác đến đó. Cần xem xét chặt chẽ việc cấp phép thành lập các khu công nghiệp mới.

10- Cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất hàng xuất khẩu đang gặp khó khăn về thị trường xuất khẩu, được điều chỉnh tăng tỷ lệ nội tiêu đối với những sản phẩm ta vẫn phải nhập khẩu, thị trường trong nước có nhu cầu, hoặc chuyển đổi mặt hàng kinh doanh.

11- Xem xét cho một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đang gặp khó khăn về vốn, có nhu cầu và có khả năng trả nợ, được vay vốn tại các ngân hàng của Việt Nam. Ban hành các quy định về cầm cố, thế chấp để doanh nghiệp FDI có thể vay vốn của các ngân hàng trong nước; hỗ trợ bán ngoại tệ cho các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang thực sự khó khăn do khủng hoảng kinh tế khu vực, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp.

12- Trong quý III năm 1998, Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục các dự án gọi vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, dự kiến quy mô, công suất, đối tác, địa điểm, tiến độ thực hiện... của các dự án để bảo đảm đúng chủ trương điều chỉnh cơ cấu đầu tư, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội các dự án đầu tư.

IV- VỀ LĨNH VỰC XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

1- Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ các chính sách khuyến khích xuất khẩu đã nêu trong Nghị quyết của Chính phủ số 02/1998/NQ-CP ngày 26/01/1998.

2- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho xuất khẩu và nhập vật tư, thiết bị máy móc, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất, kể cả hàng gia công xuất khẩu. Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan cần tăng cường công tác kiểm tra đối với các bộ phận và công chức chịu trách nhiệm giải quyết các thủ tục liên quan đến xuất, nhập khẩu.

Thành lập Tổ công tác lâm thời của Thủ tướng Chính phủ do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan làm thường trực, các Bộ có chức năng quản lý chuyên ngành về xuất, nhập khẩu cử thành viên tham gia. Tổ có nhiệm vụ hoàn thành trong quý III năm 1998 việc rà soát và bổ sung, sửa đổi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến xuất, nhập khẩu theo hướng đề cao trách nhiệm của các chủ hàng đối với chất lượng hàng nhập khẩu; xóa bỏ những quy định không còn phù hợp, gây ách tắc hàng hóa tại các cửa khẩu; bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước đồng thời tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động xuất, nhập khẩu.

3- Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc kéo dài thêm thời hạn nộp thuế nhập khẩu trong 6 tháng cuối năm 1998 để giảm bớt gánh nặng vay vốn của các doanh nghiệp.

4- Bộ Thương mại và Ngân hàng Nhà nước chủ trì cùng các Bộ liên quan tìm hiểu khả năng ký thỏa thuận về xuất, nhập khẩu và thanh toán ở cấp Chính phủ đối với những nước ta có khả năng xuất khẩu lớn, nhưng chưa ký các thỏa thuận thương mại và còn có nhiều vướng mắc trong việc ký kết hợp đồng xuất khẩu cũng như phương thức thanh toán. Cùng với quá trình trên, cần tìm kiếm những hình thức tổ chức kinh doanh và phương thức thanh toán phù hợp để sớm khắc phục các khó khăn, vướng mắc, mở rộng thị trường xuất khẩu. Trên cơ sở đó, hướng dẫn, giúp đỡ một số doanh nghiệp lớn triển khai thực hiện để rút kinh nghiệm.

Trước mắt, Bộ Thương mại và Ngân hàng Nhà nước chủ trì cùng với các ngành giải quyết quan hệ thanh toán để sớm mở rộng thị trường vào các nước SNG và Đông Âu. Bộ Thương mại cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương xây dựng đề án xuất khẩu nông sản, thực phẩm vào Irắc và các nước Trung Đông. Cho phép Bộ Thương mại được trích một tỷ lệ từ phí hạn ngạch hàng dệt may của EU để thành lập Quỹ khen thưởng xuất khẩu, khuyến khích các doanh nghiệp

có khối lượng hàng xuất khẩu lớn, sản phẩm mới hoặc tổ chức, cá nhân mở rộng hoặc tìm được thị trường xuất khẩu mới.

5- Trong quý III năm 1998, Ngân hàng Nhà nước hình thành "Quỹ tín dụng xuất khẩu" để trợ giúp tài chính cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu.

6- Bộ Tài chính áp dụng việc dán tem thêm một số mặt hàng nhập khẩu khác mà trong nước đã sản xuất được với chất lượng tốt.

7- Tiếp tục đẩy mạnh công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại.

V- VỀ TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ

1- Tiếp tục thực hiện các chủ trương và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết Trung ương lần thứ Tư (Khóa VIII) nhằm lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ, bảo đảm các điều kiện cho tăng trưởng kinh tế, xã hội; kiểm soát được lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; chủ động đối phó với tác động bất lợi của cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực.

2- Bảo đảm kế hoạch thu ngân sách đã được Quốc hội thông qua. Trên cơ sở quy định của pháp luật, các địa phương thu vượt dự toán thu ngân sách trung ương, ngoài phần được hưởng theo quy định hiện hành, được Chính phủ thưởng thêm một tỷ lệ để chi cho nhu cầu phát triển của địa phương mình; những địa phương thu không đạt thì phải cắt giảm chi tương ứng. Tăng cường quản lý thu, huy động tốt các khoản thu có khả năng thu vượt để bù vào những khoản thu có thể giảm. Điều chỉnh linh hoạt và kịp thời thuế suất hoặc phụ thu đối với một số mặt hàng nhập khẩu mà trong nước đã sản xuất đủ hoặc thị trường chấp nhận được.

3- Giữ mức bội chi ngân sách nhà nước đã được Quốc hội thông qua. Thực hiện nghiêm Pháp lệnh và Nghị định về thực hành tiết kiệm, chống

lãng phí. Không sử dụng 10% chi thường xuyên đã giữ lại đầu năm trong dự toán ngân sách năm 1998 theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xiết chặt kỷ luật chi theo các quy định đã ban hành; cấp trên và cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu chấp hành và tăng cường kiểm tra cấp dưới. Đồng thời tiếp tục rà soát để tiếp tục cắt giảm những khoản chi không cần thiết hoặc chưa thật cấp bách trong 6 tháng cuối năm 1998. Từ nay đến cuối năm ngân sách, Chính phủ không giải quyết bổ sung chi ngoài dự toán đã được Chính phủ duyệt cho các Bộ, ngành và địa phương.

4- Đình chỉ khởi công xây dựng trụ sở làm việc, mua sắm các phương tiện đất tiên (ô-tô, điều hòa nhiệt độ, trang thiết bị khác...) của các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội trong một thời gian nhất định. Việc xây dựng, nâng cấp trụ sở của các tỉnh mới chia tách phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trên cơ sở kết quả kiểm kê tài sản các cơ quan hành chính sự nghiệp và chế độ trang bị tài sản, kiên quyết thực hiện việc điều hòa các phương tiện, tài sản từ nơi thừa sang nơi thiếu.

5- Khẩn trương đánh giá, rà soát lại công tác quản lý ngân sách xã, chấn chỉnh ngay những mặt yếu kém. Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện chủ trương huy động sức dân để xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, các công trình phúc lợi công cộng trên cơ sở bảo đảm mức huy động phù hợp với từng địa phương, cơ sở do tập thể Hội đồng Nhân dân xã dân chủ quyết định; thực hiện tốt thiết chế dân chủ ở cơ sở và quy chế công khai tài chính ở cấp xã và các cơ quan nhà nước.

6- Đẩy nhanh công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thi hành Luật về Ngân hàng Nhà nước, Luật về các tổ chức tín dụng và có kế hoạch triển khai thực hiện khi 2 Luật trên có hiệu lực thi hành (01/10/1998).

7- Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch đã điều chỉnh, Ngân hàng Nhà nước rà soát lại các chỉ

tiêu, tiến hành nghiên cứu để bổ sung sửa đổi cơ chế và chính sách tiền tệ theo hướng đẩy mạnh huy động vốn để tăng mức cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh; tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp, chấn chỉnh tổ chức và hoạt động hệ thống ngân hàng thương mại; chỉ đạo chặt chẽ và áp dụng một cách linh hoạt các công cụ điều tiết lưu thông tiền tệ, ngoại hối nhằm kiểm soát lạm phát, thực hiện nghiêm ngặt quy chế quản lý nợ nước ngoài, giữ vững cán cân thanh toán quốc tế, xử lý có hiệu quả nợ tồn đọng và giảm dư nợ quá hạn. Cần khẩn trương hoàn thiện để ban hành Nghị định về quản lý vay và trả nợ nước ngoài trong quý IV năm 1998.

8- Trong năm 1998, phấn đấu duy trì mức lạm phát dưới 2 con số.

VI- VỀ XÃ HỘI

1- Khẩn trương hoàn thiện và triển khai thực hiện chương trình giải quyết việc làm, hỗ trợ số lao động dôi dư từ các doanh nghiệp do gặp khó khăn trong sản xuất, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, lao động từ nước ngoài trở về. Khuyến khích các doanh nghiệp và người lao động đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tạo nhiều việc làm, ổn định lao động, giảm thất nghiệp.

2- Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, tổng kết và triển khai chương trình hỗ trợ cho số lao động dôi dư trong quá trình sắp xếp lại và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

3- Triển khai ngay kế hoạch thực hiện chương trình phát triển kinh tế, xã hội 1.700 xã đặc biệt khó khăn với bước đi và cách làm phù hợp.

4- Tiến hành sơ kết việc thực hiện Chỉ thị

số 660-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/10/1995 về việc giải quyết tình trạng di cư tự do, chuẩn bị ban hành các quy định mới để giải quyết một cách cơ bản vấn đề “di dân tự do”.

5- Tiếp tục thực hiện các Nghị định của Chính phủ và các quy định khác về phòng, chống ma túy, mại dâm, xuất bản phẩm độc hại; bảo đảm trật tự an toàn giao thông; thực hiện nếp sống văn minh. Chuẩn bị đề án tổng thể về đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội.

6- Khẩn trương hoàn thành các đề án triển khai chủ trương xã hội hóa lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao.

VII- CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1- Để kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình chỉ đạo, điều hành ở các ngành, các cấp, Chính phủ chủ trương áp dụng hình thức “giao ban định kỳ” với nội dung thiết thực đối với từng khối công việc, từng cụm địa phương, nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh tế, xã hội trong thời gian tới, cụ thể:

- Giao ban sản xuất công nghiệp do Bộ Công nghiệp chuẩn bị nội dung;

- Giao ban sản xuất nông nghiệp, thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuẩn bị nội dung;

- Giao ban về đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị nội dung;

- Giao ban về xuất nhập khẩu do Bộ Thương mại chuẩn bị nội dung;

- Giao ban về tài chính, tiền tệ do Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chuẩn bị nội dung;

- Giao ban về việc làm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chuẩn bị nội dung;

- Giao ban về phòng, chống tệ nạn xã hội do Bộ Công an và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chuẩn bị nội dung;

- Giao ban về khiếu kiện do Thanh tra Nhà nước chuẩn bị nội dung.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp cần chăm lo đúng mức đến việc tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Tại các cuộc giao ban; trong các báo cáo phải bao gồm tình hình các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

2- Trong quý III năm 1998, công tác xây dựng thể chế của Chính phủ tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu như: thủ tục xuất, nhập khẩu; đất đai; đầu tư; tiền tệ và tín dụng; thuế; thành lập doanh nghiệp; sắp xếp và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

3- Thực hiện nghiêm túc chế độ thỉnh thị, báo cáo; bảo đảm thông tin kịp thời, chính xác trong các báo cáo của bộ máy nhà nước và các cơ quan thông tin đại chúng.

4- Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị số 147-TB/TW ngày 27/06/1998 “về tình hình kinh tế - xã hội hiện nay và các giải pháp lớn”, cần khẩn trương chuẩn bị các chuyên đề sau đây để trình Bộ Chính trị trong thời gian sắp tới:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Tổng cục Địa chính và các ngành liên quan chuẩn bị chuyên đề về phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, bao gồm cả vấn đề đất đai, phát triển trang trại.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan chuẩn bị chuyên đề về quan hệ sản xuất, phân phối thu nhập.

- Ban Đổi mới doanh nghiệp Trung ương chuẩn bị chuyên đề về đổi mới và sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

- Bộ Công nghiệp chuẩn bị chuyên đề về chiến

lược phát triển một số ngành công nghiệp cơ bản.

Các Bộ, ngành theo lĩnh vực mình phụ trách, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định những nhiệm vụ cụ thể đã nêu trên để triển khai Nghị quyết này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM A, B THUỘC VỐN NGÂN SÁCH PHẢI GIÃN TIẾN ĐỘ VÀ HOÃN KHỞI CÔNG

I- Các dự án nhóm A:

- 1- Đường Láng - Hòa Lạc: Giãn tiến độ xây dựng, không đạt mục tiêu phải hoàn thành năm 1998, chỉ thực hiện theo khả năng vay vốn của Ngân hàng cổ phần Hàng hải, không ghi vốn ngân sách, sau năm 2000 sẽ hoàn trả dần vốn vay.
- 2- Đường xuyên Á: Tính toán lại để giảm vốn đã bố trí, xem xét tiến độ sau khi ký kết vay vốn nước ngoài và dự án được quyết định.
- 3- Xa lộ Bắc Nam: Đã ghi vốn chuẩn bị dự án, do khó khăn về vốn nên sẽ lùi thời gian khởi công (trước đây nêu mục tiêu khởi công trước năm 2000).
- 4- Hồ Yazun hạ: Đến năm 1997 đã thực hiện 75% tổng vốn, có công suất tới 13.500 ha; hiện đã xong đầu mối và kênh mương có thể tưới được 3.500 ha. Vốn đầu tư làm kênh mương còn khoảng 140 tỷ đồng. Chỉ làm theo khả năng khai thác, không đặt mục tiêu xong toàn bộ kênh, mương trong năm 1999 hoặc năm 2000.

II- Các dự án nhóm B:

- 1- Đường 14B, cần giãn tiến độ đoạn từ cầu Hòa Nha đến Thạnh Mỹ.

2- Cảng Cửa Lò, tổng dự toán 139 tỷ đồng, đến hết năm 1997 đã đầu tư được 3 tỷ đồng, kế hoạch năm 1998 đã ghi 4 tỷ đồng. Cần hoãn xây dựng cầu vượt sang bờ đối diện.

3- Cảng Quy Nhơn, tổng dự toán 107 tỷ đồng, đã ghi kế hoạch 1 tỷ đồng, hoãn khởi công xây dựng kho.

4- Sân bay Đà Nẵng (Quốc phòng), chưa duyệt tổng dự toán, đã ghi kế hoạch 4 tỷ đồng để làm công tác chuẩn bị đầu tư, hoãn khởi công.

5- Hệ thống đường nhánh WB2, đã ghi kế hoạch 20 tỷ đồng, hoãn khởi công (vốn ngoài nước năm 1998 chưa có).

6- Công trình lấn biển Bình Minh 3 (Quốc phòng), tổng dự toán 35 tỷ đồng, là công trình khởi công mới. Ghi kế hoạch năm 1998 là 3 tỷ đồng, hoãn khởi công.

7- Trường Chính trị tỉnh Thái Bình, tổng vốn 8,4 tỷ đồng, đã thực hiện 2 tỷ đồng, ghi kế hoạch năm 1998 1,9 tỷ đồng, giãn tiến độ.

8- Trường Chính trị tỉnh Long An, tổng vốn 8,6 tỷ đồng, đã thực hiện 3,4 tỷ đồng, ghi kế hoạch 1998 1,5 tỷ đồng, giãn tiến độ.

9- Nhà hát thành phố Hồ Chí Minh, tổng vốn 25,2 tỷ đồng, đã thực hiện 5 tỷ đồng, ghi kế hoạch 1998 15 tỷ đồng, giãn tiến độ.

10- Nhà biểu diễn Trung tâm văn hóa tỉnh Cần Thơ, tổng vốn 9,6 tỷ đồng, đã thực hiện 1,5 tỷ đồng, ghi kế hoạch 1998 1,5 tỷ đồng, giãn tiến độ.

11- Trung tâm văn hóa tỉnh Quảng Nam, chuẩn bị năm 1997, chưa thực hiện, ghi kế hoạch 1998 1 tỷ đồng, hoãn xây dựng.

12- Đền tưởng niệm Bến Đước, tổng vốn đầu tư 31 tỷ đồng, đã thực hiện 12,5 tỷ đồng, ghi kế hoạch 1998 10 tỷ đồng, giãn tiến độ.

Ngoài ra, sẽ xem xét hoãn khởi công một số dự án xét thấy chưa có nhu cầu thực sự cấp bách để tập trung vốn cho các công trình khác:

- 1- Nhà lớp học của Học viện Hành chính quốc

gia, tổng dự toán 26 tỷ đồng, mới ghi kế hoạch 1,5 tỷ đồng.

2- Khu thí nghiệm Đại học Thủy lợi, tổng dự toán 20 tỷ đồng, mới ghi kế hoạch 1,5 tỷ đồng.

3- Nhà điều hành Trung tâm (Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh), mới ghi kế hoạch 6,9 tỷ đồng.

4- Trường trung học Hàng hải, tổng dự toán 10 tỷ đồng, mới ghi kế hoạch 0,5 tỷ đồng.

5- Nhà hát ca múa nhạc, mới ghi kế hoạch 2 tỷ đồng để chuẩn bị nhưng chưa đủ các điều kiện để triển khai.

6- Đài truyền hình Huế, tổng dự toán 49 tỷ đồng, thực hiện hết năm 1997 được 0,5 tỷ đồng, đã ghi kế hoạch 4 tỷ đồng.

7- Trung tâm dữ liệu tin học Ngân hàng, chưa đủ các thủ tục, mới ghi kế hoạch 0,3 tỷ đồng để làm công tác chuẩn bị đầu tư.

8- Trường Chính trị tỉnh Hà Nam, tổng dự toán 14 tỷ đồng, đã ghi kế hoạch 3 tỷ đồng.

9- Nhà thi đấu và tập thể dục thể thao Gia Lâm (Hà Nội), đã ghi kế hoạch 3 tỷ đồng.

10- Di tích núi Voi (Hải Phòng), đã ghi kế hoạch 2 tỷ đồng.

11- Nhà làm việc Tỉnh ủy Lâm Đồng, đã ghi kế hoạch 2,5 tỷ đồng./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 558/QĐ-TTg ngày 04/07/1998 về việc công nhận thành phố Quy Nhơn là đô thị loại II.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Quyết định số 132-HĐBT ngày 05/05/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, ý kiến của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thành phố Quy Nhơn thuộc tỉnh Bình Định là đô thị loại II.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, bộ trưởng các bộ, thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

NGÔ XUÂN LỘC

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 113/1998/QĐ-TTg ngày 06/07/1998 về việc chuyển các Cụm cảng Hàng không sân bay miền Bắc, miền Trung, miền Nam thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;